

TUẦN 19

Tiết 1: Chào cờ

TẬP TRUNG ĐẦU TUẦN

Tiết 2: Toán

Ngày dạy: Thứ hai

Bài 58: HÌNH THANG

I. Mục tiêu:

- Em nhận biết hình thang và một số đặc điểm của hình thang.

II. Đồ dùng:

- 1.GV: Sách hướng dẫn.
- 2.HS: Sách hướng dẫn.

III. Các hoạt động dạy học chủ yếu:

*Khởi động: Chơi trò chơi “Đố bạn” : HĐ 1. (HĐ nhóm)
GV nhận xét, chữa bài.

* Học sinh ghi đầu bài và đọc mục tiêu.

A.Hoạt động cơ bản:

2.Thực hiện lần lượt các hoạt động sau: (HĐ nhóm)

a.HS làm bài cá nhân.

- HS trao đổi Kq với bạn.
- GV nhận xét, chữa bài.
- Thế nào gọi là hình thang? (Hình thang có một cặp cạnh đối diện và song song)

b. HS quan sát hình và làm bài.

GV nhận xét, chữa bài.

- Các cạnh đáy của hình thang: MN, QP.
- Các cạnh bên của hình thang: MQ, NP.
- Cặp đối diện song song của hình thang: MN, QP.
- Đường cao của hình thang: MK.

3.Thảo luận rồi trả lời câu hỏi: (HĐ nhóm đôi)

- HS làm bài cá nhân
- HS trao đổi theo nhóm đôi.
- HS nêu Kq trước lớp.
- GV nhận xét, chữa bài. Hình 1,3,5,6 là hình thang.
- Củng cố cách nhận diện hình thang.

B.Hoạt động thực hành:

1. Chỉ ra các hình thang trong các hình dưới đây: (HĐ cá nhân)

- HS làm bài cá nhân.
- HS nêu Kq trước lớp.
- GV nhận xét, chữa bài.
- Hình 1,2,4 là hình thang.

2. Trong ba hình dưới đây, hình nào có: (HĐ cá nhân)

- HS làm bài cá nhân.
- HS trao đổi Kq với bạn.

- GV nhận xét, chữa bài.
- Bốn cạnh và bốn góc: Hình 1
- Hai cặp cạnh đối diện song song: Hình 2
- Chỉ có một cặp cạnh đối diện song song: Hình 3.
- Có bốn góc vuông: Hình 1

3. Thực hiện các hoạt động sau: (HĐ cá nhân)

- HS làm bài cá nhân.
- HS trao đổi Kq với bạn.
- GV nhận xét, chữa bài.
- Thế nào hình thang cân? (Hình thang có một cạnh bên vuông góc với hai đáy gọi là hình thang cân)
- Hình thang cân là: Hình 2,3.

C. Hoạt động ứng dụng:

Hoạt động cùng cộng đồng.

- Về nhà em cùng với người thân thực hiện các bài tập hoạt động ứng dụng.

Ngày soạn: 2/01/20...

Ngày dạy: Thứ ba, 5/01/20...(t1)

Ngày dạy: Thứ tư, 6/01/20... (t 2)

Bài 59: DIỆN TÍCH HÌNH THANG

I. Mục tiêu:

- Em biết tính diện tích hình thang.

II. Đồ dùng:

- 1.GV: Sách hướng dẫn.
- 2.HS: Sách hướng dẫn.

III. Các hoạt động dạy học chủ yếu:

Tiết 1:

*Khởi động: Chơi trò chơi: “ Cắt ghép hình”. HĐ 1(HĐ nhóm)

* Học sinh ghi đầu bài và đọc mục tiêu.

A.Hoạt động cơ bản:

2. Đọc kĩ nội dung sau và nghe thầy cô giáo hướng dẫn: (HĐ cả lớp)

- HS thực hiện cá nhân.
- GV hướng dẫn học sinh
- Muốn tính diện tích hình thang làm ntn?
- Diện tích hình thang bằng tổng độ dài hai đáy nhân với chiều cao (cùng một đơn vị đo) rồi chia cho 2

$$S = (a + b) \times h : 2$$

3.: (HĐ nhóm đôi)

- HS làm bài cá nhân
- HS trao đổi theo nhóm đôi.
- HS nêu Kq trước lớp.

- GV nhận xét, chữa bài.

Bài giải:

a) Diện tích hình thang là: $(3 + 5) \times 2 : 2 = 8 \text{ (cm}^2\text{)}$

Đáp số: 8 cm^2

b) Diện tích hình thang là: $(2 + 6) \times 3 : 2 = 12 \text{ (cm}^2\text{)}$

Đáp số: 12 cm^2

Tiết 2:

B. Hoạt động thực hành:

1. Tính diện tích hình tam giác: (HĐ cá nhân)

- HS làm bài cá nhân.
- HS nêu Kq trước lớp.
- GV nhận xét, chữa bài.

a) Diện tích hình thang là: $(14 + 11) \times 4 : 2 = 50 \text{ (cm}^2\text{)}$

Đáp số: 50 cm^2

b) Diện tích hình thang là: $(8,7 + 6,3) \times 5,7 : 2 = 42,75 \text{ (cm}^2\text{)}$

Đáp số: $42,75 \text{ cm}^2$

- Cùng cố cách tính diện tích hình thang.

2. Tính diện tích hình thang có độ dài hai đáy lần lượt là a và b, chiều cao h : (nhóm đôi) cá nhân chuyển lô gô thành cặp đôi.

- HS làm bài cá nhân.
- HS trao đổi Kq với bạn.
- GV nhận xét, chốt đáp án:

a) $(18 + 12) \times 9 : 2 = 135 \text{ (cm}^2\text{)}$

b) $(\frac{3}{4} + \frac{1}{2}) \times \frac{5}{8} : 2 = 0,3906 \text{ (cm}^2\text{)}$

c) $(3,4 + 5,8) \times 0,5 : 2 = 2,3 \text{ (cm}^2\text{)}$

- Muốn tính diện tích hình thang làm ntn?

3. Giải bài toán sau: (HĐ cặp đôi)

- HS làm bài cá nhân.
- HS trao đổi Kq với bạn.
- GV nhận xét, chữa bài.

Bài giải:

Chiều cao của mảnh vườn là: $(12 + 8,4) : 2 = 10,2 \text{ (m)}$

Diện tích mảnh vườn đó là: $(12 + 8,4) \times 10,2 : 2 = 104,04 \text{ (m}^2\text{)}$

Đáp số: $104,04 \text{ (m}^2\text{)}$

4. Đúng ghi Đ, sai ghi S: (HĐ cặp đôi)

- HS làm bài cá nhân.
- HS trao đổi Kq với bạn.
- GV nhận xét, chốt:

a. Đ, b. S

C. Hoạt động ứng dụng:

Hoạt động cùng cộng đồng.

- Về nhà em cùng với người thân thực hiện các bài tập ở hoạt động ứng dụng.

Ngày soạn: 3/01/20...

Ngày dạy: Thứ năm, 7/01/20...

Bài 60 : EM ĐÃ HỌC ĐƯỢC NHỮNG GÌ?

I. Mục tiêu: Em ôn tập về.

- Tính diện tích hình tam giác; diện tích hình thang;
- Giải toán liên quan đến diện tích và tỉ số phần trăm.

II. Đồ dùng:

- 1.GV: Sách hướng dẫn.
- 2.HS: Sách hướng dẫn.

III. Các hoạt động dạy học chủ yếu:

***Khởi động:** Chơi trò chơi: “ Đố bạn”. (nhóm đôi) HĐ 1
Gv nhận xét HS chơi.

* Học sinh ghi đầu bài và đọc mục tiêu.

B.Hoạt động thực hành:

2. Tính diện tích hình tam giác vuông có độ dài hai cạnh góc vuông là: (cá nhân)

- HS làm bài cá nhân.
- HS trao đổi Kq với bạn.
- GV nhận xét, chốt:

a) 15 cm^2 b) 4 cm^2 c) $\frac{5}{8} \text{ cm}^2$

- Muốn tính diện tích hình tam giác làm ntn?

3. Giải bài toán sau: (nhóm đôi) cặp đôi chuyển lô gô thành nhóm.

- HS làm bài cá nhân.
- HS trao đổi Kq với bạn.
- Thống nhất, đại diện nhóm báo cáo.
- Nhóm khác nhận xét.
- GV nhận xét, chữa bài.

Bài giải:

Diện tích hình thang ABED là: $(1,5 + 2,4) \times 1,2 : 2 = 2,34 (\text{ dm}^2)$

Diện tích hình tam giác BEC là: $(1,2 \times 1,8) : 2 = 1,08 (\text{ dm}^2)$

Diện tích hình thang lớn hơn diện tích hình tam giác là:

$$2,34 - 1,08 = 1,26(\text{ dm}^2)$$

Đáp số: $1,26(\text{ dm}^2)$

- Bài toán ôn lại cách tính diện tích hình gì?

4. Giải bài toán sau: (cá nhân)

- HS làm bài cá nhân.
- HS trao đổi Kq với bạn.
- GV nhận xét, chữa bài.

Bài giải:

$$\text{Diện tích hình thang là: } (40 + 70) \times 30 : 2 = 1650 \text{ (m}^2\text{)}$$

$$\text{Diện tích trồng rau cải là: } 1650 \times 30 : 100 = 495 \text{ (m}^2\text{)}$$

$$\text{Diện tích trồng su hào là: } 1650 \times 25 : 100 = 412,5 \text{ (m}^2\text{)}$$

$$\text{Đáp số: } 412,5 \text{ (m}^2\text{)}$$

C. Hoạt động ứng dụng:

Hoạt động cùng cộng đồng.

- Học sinh làm bài vào vở
- Báo cáo kết quả với gv:

Bài giải

$$\text{Diện tích giấy màu để làm chiếc thuyền đó là: } ((4 \times 3 : 2) + (6 + 4) \times 2 : 2) = 16 \text{ cm}^2$$

Ngày soạn: 3/01/20...

Ngày dạy: Thứ sáu, 8/01/20...

BÀI 61: HÌNH TRÒN. ĐƯỜNG TRÒN

I. Mục tiêu:

- Em biết quy tắc, công thức tính chu vi hình tròn và biết vận dụng để tính chu vi hình tròn.

II. Đồ dùng:

1.GV: Sách hướng dẫn.

2.HS: Sách hướng dẫn.

III. Các hoạt động dạy học chủ yếu:

*Khởi động: Hát một bài

* Học sinh ghi đầu bài và đọc mục tiêu.

A.Hoạt động cơ bản:

1. Thực hiện lần lượt các hoạt động sau (HĐ nhóm)

a) Lấy bìa cứng, vẽ và cắt một hình tròn có bán kính 2 cm...

b) Đọc kĩ nội dung sau.

- HS thực hiện cá nhân.

- HS trao đổi kq trong nhóm.

- GV KT NX; chốt kiến thức: Độ dài của 1 đường tròn gọi là chu vi của hình tròn đó.

2. Đọc kĩ nội dung sau và nghe thầy/cô giáo hướng dẫn :(HĐ cả lớp)

- HS đọc cá nhân

- GV hỏi- HS trả lời:
- + Nối tâm O với một điểm A trên đường tròn, ta được đoạn thẳng OA, đoạn thẳng đó gọi là gì của hình tròn? (bán kính)
- + Tất cả các bán kính của một hình tròn đều có độ dài ntn?
- + Đường kính của hình tròn là gì? (là đoạn thẳng nối hai điểm trên đường tròn và đi qua tâm O)
- + Đường kính có độ dài gấp mấy lần bán kính? (2 lần)

3. Đúng ghi Đ, sai ghi S: (HĐ nhóm đôi)

- HS thực hiện cá nhân.
- HS trao đổi Kq trong nhóm đôi.

GV KT NX.

- Độ dài đoạn PO là 3,5 cm.
- OQ là đường kính của hình tròn.
- PQ là đường kính của hình tròn
- Độ dài bán kính bằng $\frac{1}{2}$ độ dài đường kính
- Độ dài đường kính của hình tròn là 3,5 cm.

B. Hoạt động thực hành:

1. Vẽ hình tròn có: (HĐ cá nhân)

- a) Bán kính 3cm b) Đường kính 5 cm
- HS làm bài cá nhân.
- GV KT, NX

2. Cho đoạn thẳng AB = 4 cm. Hãy vẽ hai hình tròn tâm A và tâm B đều có bán kính 2 cm: (HĐ cá nhân)

- HS làm bài cá nhân.
- GV KT, NX

C. Hoạt động ứng dụng:

Hoạt động cùng cộng đồng.

- Em hãy trang trí một hình vuông có cạnh là 4cm.

TUẦN 20

Tiết 1: Chào cờ

TẬP TRUNG ĐẦU TUẦN

Tiết 2: Toán

Ngày soạn: 02/01/20...

Ngày dạy: Thứ hai, 11/01/20... (T1)

Ngày dạy: Thứ ba, 12/01/20... (T2)

BÀI 62: CHU VI HÌNH TRÒN.

I. Mục tiêu:

- Em nhận biết được hình tròn, đường tròn và các yếu tố của hình tròn.
- Em biết sử dụng com pa để vẽ hình tròn.

II. Đồ dùng:

- 1.GV: Sách hướng dẫn.
- 2.HS: Sách hướng dẫn.

III. Các hoạt động dạy học chủ yếu:

- *Khởi động: Hát một bài
- * Học sinh ghi đầu bài và đọc mục tiêu.

A.Hoạt động cơ bản:

1. Thực hiện lần lượt các hoạt động sau (HĐ nhóm)

- a) Vẽ hình tròn tâm O, bán kính 2 cm.
 - b) Vẽ hình tròn tâm I, bán kính 4 cm.
- HS thực hiện cá nhân.
 - HS kiểm tra chéo trong nhóm.
 - GV KT NX.

2. Đọc kĩ nội dung sau và nghe thầy/cô giáo hướng dẫn :(HĐ cả lớp)

- HS đọc cá nhân
- GV hỏi- HS trả lời:

- + Muốn tính chu vi hình tròn ta làm ntn? (Ta lấy đường kính nhân với 3,14 hoặc lấy bán kính nhân 2 rồi nhân 3,14)
- + Chu vi hình tròn được kí hiệu bằng chữ gì? (chữ C)
- + Đường kính của hình tròn được kí hiệu bằng chữ gì? (chữ d)
- + Hãy viết công thức tính chu vi hình tròn khi biết đường kính? ($C = d \times 3,14$)
- + Bán kính của hình tròn được kí hiệu bằng chữ gì? (chữ r)
- + Hãy viết công thức tính chu vi hình tròn khi biết bán kính? ($C = r \times 2 \times 3,14$)
- + Ví dụ 1: Tính chu vi hình tròn có đường kính 6cm

$$\text{Chu vi hình tròn là: } 6 \times 3,14 = 18,84 \text{ (cm)}$$

Ví dụ 2: Tính chu vi hình tròn có bán kính 5 cm

$$\text{Chu vi hình tròn là: } 5 \times 2 \times 3,14 = 31,4 \text{ (cm)}$$

3. Tính chu vi hình tròn: (HĐ nhóm đôi)

- HS thực hiện cá nhân.
- HS trao đổi Kq trong nhóm đôi.
- GV KT NX, củng cố cách tính chu vi hình tròn.

a) Chu vi hình tròn là: $2,5 \times 3,14 = 7,85 \text{ (cm)}$

b) Đổi $\frac{1}{4} \text{ dm} = 2,5 \text{ cm}$

$$\text{Chu vi hình tròn là: } 2,5 \times 2 \times 3,14 = 15,7 \text{ (cm)}$$

Tiết 2

B. Hoạt động thực hành:

1. Tính chu vi hình tròn: (HĐ cá nhân)

a) Chu vi hình tròn là: $9 \times 2 \times 3,14 = 56,52 \text{ (m)}$

b) Chu vi hình tròn là: $0,75 \times 3,14 = 2,355 \text{ (cm)}$

c) Chu vi hình tròn là: $2\frac{1}{2} \times 2 \times 3,14 = 15,7 \text{ (cm)}$

- HS làm bài cá nhân.
- GV gọi HS nêu Kq
- GV NX, củng cố cách tính chu vi hình tròn.

2. (HĐ Cá nhân)

- HS làm bài cá nhân.
- GV gọi HS nêu Kq
- GV NX, củng cố cách tính chu vi hình tròn.

a) Tính đường kính hình tròn có chu vi $C = 15,7 \text{ m}$

$$\text{Đường kính hình tròn là: } 15,7 : 3,14 = 5 \text{ (m)}$$

b) Tính bán kính hình tròn có chu vi $C = 18,84 \text{ dm}$.

$$\text{Bán kính hình tròn là: } 18,84 : 3,14 : 2 = 3 \text{ (dm)}$$

3. Giải bài toán: (HĐ nhóm đôi)

- HS thực hiện cá nhân.
- HS trao đổi Kq trong nhóm đôi.
- GV KT NX.

Giải

Chu vi của bánh xe là: $1,9 \times 3,14 = 5,966$ (m)

ĐS: 5,966 m

4. Giải bài toán: (HĐ nhóm đôi)

- HS thực hiện cá nhân.
- HS trao đổi Kq trong nhóm đôi.
- GV KT NX.

Giải

a) Chu vi của bánh xe là: $0,65 \times 3,14 = 2,041$ (m)

b) Người đó đi được: $2,041 \times 10 = 20,041$ (m)

c) Bánh xe lăn được: $408,2 : 2,041 = 200$ (vòng)

C. Hoạt động ứng dụng:

Hoạt động cùng cộng đồng.

- Về nhà em cùng với người thân thực hiện bài tập ở hoạt động ứng dụng.

Ngày soạn: 9/01/20...

Ngày dạy: Thứ tư, 13/1/20... (T1)

Ngày dạy: Thứ năm, 14/1/20... (T2)

. BÀI 63: DIỆN TÍCH HÌNH TRÒN.

I Mục tiêu:

- Em biết quy tắc, công thức tính diện tích hình tròn và vận dụng để tính diện tích hình tròn.
- Em biết sử dụng com pa để vẽ hình tròn.

II. Đồ dùng:

- 1.GV: Sách hướng dẫn.
- 2.HS: Sách hướng dẫn.

III. Các hoạt động dạy học chủ yếu:

*Khởi động: chơi trò chơi “chiếc hộp bí mật” (HĐ1)

* Học sinh ghi đầu bài và đọc mục tiêu.

A.Hoạt động cơ bản:

2. Đọc kĩ nội dung sau và nghe thầy/cô giáo hướng dẫn (HĐ cả lớp)

- HS đọc cá nhân
- GV hỏi- HS trả lời:
- + Muốn tính diện tích hình tròn ta làm ntn? (Ta lấy bán kính nhân bán kính nhân với 3,14)
- + Diện tích hình tròn được kí hiệu bằng chữ gì? (chữ S)
- + Bán kính của hình tròn được kí hiệu bằng chữ gì? (chữ r)

+ Hãy viết công thức tính diện tích hình tròn khi biết bán kính? ($C = r \times r \times 3,14$)

3. Tính diện tích hình tròn: (HĐ cặp đôi)

- HS thực hiện cá nhân.
- HS trao đổi Kq trong nhóm đôi.
- GV KT NX, củng cố cách tính diện tích hình tròn.
 - a) Diện tích hình tròn là: $5 \times 5 \times 3,14 = 78,5 \text{ (cm}^2\text{)}$
 - b) Diện tích hình tròn là: $0,75 \times 0,75 \times 3,14 = 1,76625 \text{ (m}^2\text{)}$

Tiết 2

B. Hoạt động thực hành:

1. Tính diện tích hình tròn: (HĐ cá nhân)

- HS làm bài cá nhân.
 - GV gọi HS nêu Kq
- a) Diện tích hình tròn là: $0,4 \times 0,4 \times 3,14 = 0,5024 \text{ (dm}^2\text{)}$
 - b) Diện tích hình tròn là: $3,25 \times 3,25 \times 3,14 = 33,16625 \text{ (cm}^2\text{)}$
 - c) Diện tích hình tròn là: $(7,2 : 2) \times (7,2 : 2) \times 3,14 = 40,6944 \text{ (dm}^2\text{)}$
 - d) Diện tích hình tròn là: $(\frac{4}{5} : 2) \times (\frac{4}{5} : 2) \times 3,14 = 0,5024 \text{ (m}^2\text{)}$

- GV NX, củng cố cách tính diện tích hình tròn.

2. Tính diện tích hình tròn: (HĐ cá nhân)

- HS làm bài cá nhân.
 - GV gọi HS nêu Kq
- a) $C = 6,28\text{cm}$
 Bán kính của hình tròn là: $6,28 : 3,14 : 2 = 1\text{cm}$
 Diện tích của hình tròn là: $1 \times 1 \times 3,14 = 3,14 \text{ cm}^2$
 - b) $C = 28,26\text{m}$
 Bán kính của hình tròn là: $28,26 : 3,14 : 2 = 4,5 \text{ cm}$
 Diện tích của hình tròn là: $4,5 \times 4,5 \times 3,14 = 63,585 \text{ m}^2$
- GV NX, củng cố cách tính diện tích hình tròn khi biết chu vi.

3. Giải bài toán: (HĐ nhóm)

- HS thực hiện cá nhân.
- HS trao đổi Kq trong nhóm.
- Đại diện nhóm báo cáo kết quả.
- Nhóm khác nhận xét.
- GV KT NX.

Giải

$$\text{Diện tích của mặt bàn là: } 45 \times 45 \times 3,14 = 6358,5 \text{ (cm}^2\text{)}$$

$$\text{ĐS: } 6358,5 \text{ cm}^2$$

4. Giải bài toán: (HĐ nhóm)

- HS thực hiện cá nhân.
- HS trao đổi Kq trong nhóm.

- Đại diện nhóm báo cáo kết quả.
- Nhóm khác nhận xét.
- GV KT NX.

Giải

Diện tích của miệng giếng là: $0,7 \times 0,7 \times 3,14 = 1,5386 \text{ (m}^2\text{)}$

Diện tích của cái giếng là: $(0,7 + 0,3) \times (0,7 + 0,3) \times 3,14 = 3,14 \text{ (m}^2\text{)}$

Diện tích của thành giếng là: $3,14 - 1,5386 = 1,6014 \text{ (m}^2\text{)}$

ĐS: $1,6014 \text{ m}^2$

C. Hoạt động ứng dụng:

Hoạt động cùng cộng đồng.

- Về nhà em hãy cùng với người thân thực hiện các bài tập ở hoạt động ứng dụng.

Ngày soạn: 10/01/20...

Ngày dạy: Thứ sáu, 15/01/20...

BÀI 64: EM ÔN LẠI NHỮNG GÌ ĐÃ HỌC.

I. Mục tiêu:

-Em ôn tập về công thức tính chu vi, diện tích hình tròn và vận dụng để giải các bài toán liên quan đến chu vi, diện tích của hình tròn.

II. Đồ dùng:

- Sách hướng dẫn học Toán.

III. Các hoạt động dạy học chủ yếu:

***Khởi động:** Chơi trò chơi “Truyền điện”- HĐ 1:(HĐ nhóm)

* Học sinh ghi đầu bài và đọc mục tiêu.

A.Hoạt động thực hành: (HĐ cá nhân)

- HS làm bài cá nhân.
- GV nhận xét, chữa bài.
- GV củng cố cách làm bài.

2.

Bài giải

Chu vi của hình tròn bé là:

$$7 \times 2 \times 3,14 = 43,96 \text{ cm}$$

Chu vi của hình tròn lớn là:

$$10 \times 2 \times 3,14 = 62,8 \text{ cm}$$

Độ dài của sợi dây thép là:

$$7 + 43,96 + 62,8 + 10 = 123,76 \text{ cm}$$

Đáp số: $123,76 \text{ cm}$

3.

Bài giải

Chu vi hình tròn bé là:

$$60 \times 2 \times 3,14 = 376,8 \text{ cm}$$

Chu vi hình tròn lớn là:

$$(60 + 15) \times 2 \times 3,14 = 471 \text{ cm}$$

Chu vi hình tròn lớn dài hơn chu vi hình tròn bé là:

$$471 - 376,8 = 94,2 \text{ cm}$$

Đáp số: 94,2 cm

4.

Bài giải

Chiều dài của hình chữ nhật là:

$$7 \times 2 = 14$$

Diện tích hình chữ nhật là:

$$14 \times 10 = 140 \text{ cm}^2$$

Diện tích của hai nửa hình tròn là:

$$7 \times 7 \times 3,14 = 153,86 \text{ cm}^2$$

Diện tích của hình đã cho là:

$$140 + 153,86 = 293,86 \text{ cm}^2$$

Đáp số: 293,86 cm²

B. Hoạt động ứng dụng:
Hoạt động cùng cộng đồng.

- Về nhà em cùng với người thân thực hiện bài tập ở hoạt động ứng dụng.

TUẦN 21

Tiết 1: Chào cờ

TẬP TRUNG ĐẦU TUẦN

Tiết 2: Toán

Ngày soạn: 16/1/20...

Ngày dạy: Thứ hai, 18/1/20...

BÀI 65: GIỚI THIỆU BIỂU ĐỒ HÌNH QUẠT.

I. Mục tiêu: Em biết:

- Biểu đồ hình quạt.
- Phân tích và xử lí số liệu ở mức độ đơn giản trên biểu đồ hình quạt.

II. Đồ dùng:

- Sách hướng dẫn học Toán.

III. Các hoạt động dạy học:

***Khởi động:** Hát một bài

* Học sinh ghi đầu bài và đọc mục tiêu.

A. Hoạt động cơ bản:

1. Thực hiện lần lượt các hoạt động sau: (HĐ cả lớp)

- Đọc kĩ nội dung và nghe cô hướng dẫn... (Trang 28)
- Thảo luận trả lời câu hỏi.
- Giải thích cho các bạn nghe cách giải.

2. Quan sát biểu đồ hình quạt và trả lời câu hỏi: (HĐ cặp đôi)

- Học sinh làm việc cá nhân.
- Trao đổi với bạn bên cạnh.
- Báo cáo kết quả.
- Học sinh khác nhận xét.

GV KL: - *Biểu đồ cho biết số phần trăm các bạn thích ăn các loại quả.*

- Có 35% học sinh thích ăn na,
- Có 15% học sinh thích ăn soài,
- Có 25% học sinh thích ăn nhãn,
- Số học sinh thích ăn nho là: $200 \times 15 : 100 = 30$ (học sinh)

B. Hoạt động thực hành:

1. (HĐ cá nhân)

- HS làm bài cá nhân.
- Trao đổi nhóm đôi
- GV nhận xét, chữa bài.

a, Số bạn thích màu xanh là: $120 \times 40 : 100 = 48$ học sinh.

b, Số bạn thích màu đỏ là: $120 \times 25 : 100 = 30$ học sinh.

c, Số bạn thích màu vàng là: $120 \times 20 : 100 = 24$ học sinh.

d, Số bạn thích màu tím là: $120 \times 15 : 100 = 18$ học sinh.

2. Biểu đồ thống kê được những loại sách truyện thiếu nhi, sách giáo khoa,

- HS làm bài cá nhân.
- Trao đổi nhóm đôi
- GV nhận xét, chữa bài.
- Tỷ số phần trăm truyện thiếu nhi là: 60%
- Sách giáo khoa là: 22,5%
- Các loại sách khác là: 17,5%

C. Hoạt động ứng dụng:

Hoạt động cùng cộng đồng.

Em hãy thống kê trong nhóm của mình xem mỗi bạn thích học môn nào nhất. Vẽ biểu đồ cột biểu diễn các số liệu được thống kê đó.

Ngày soạn: 16/1/20...

Ngày dạy: Thứ ba, 19/1/20... (t1)

Ngày dạy: Thứ tư, 20/1/20... (t2)

BÀI 66: LUYỆN TẬP VỀ DIỆN TÍCH.

I. Mục tiêu: Em biết:

- Tính diện tích một số hình được tạo thành từ các hình đã học.

II. Đồ dùng:

- Sách hướng dẫn học Toán.

III. Các hoạt động dạy học chủ yếu:

***Khởi động:** Hát một bài

* Học sinh ghi đầu bài và đọc mục tiêu.

A. Hoạt động thực hành:

1. Nghe cô giáo hướng dẫn: (HĐ cả lớp)

2. (HĐ cả lớp)

- Thảo luận cách tính diện tích của mảnh đất có kích thước như hình vẽ:
- Đọc kĩ nội dung và giải thích cho bạn nghe.
- Cùng nhau nêu cách tính diện tích mảnh đất.

3. Giải bài toán sau: (HĐ cặp đôi)

- HS làm bài cá nhân.
- HS trao đổi cặp đôi, báo cáo kết quả.
- Hs nhận xét.
- GV nhận xét, chữa bài.

Bài giải

Chia mảnh đất thành hai hình chữ nhật ABCD và MNPQ

Ta có:

$$\text{Độ dài cạnh AB là: } 3,5 + 4,2 + 3,5 = 11,2 \text{ (m)}$$

Diện tích hình chữ nhật ABCD là:

$$11,2 \times 3,5 = 39,2 \text{ (m}^2\text{)}$$

Diện tích hình chữ nhật MNPQ là:

$$6,5 \times 4,2 = 27,3 \text{ (m}^2\text{)}$$

Diện tích của mảnh đất là:

$$39,2 + 27,3 = 66,5 \text{ (m}^2\text{)}$$

$$\text{ĐS: } 66,5 \text{ m}^2$$

4. (HĐ nhóm)

- Nhóm trưởng điều hành các bạn thực hiện.
 - Thảo luận cách tính diện tích mảnh đất
 - Đọc kĩ nội dung và giải thích cho bạn nghe.
 - Cùng nhau nêu cách tính diện tích mảnh đất.

5.

- HS làm bài cá nhân.
- HS trao đổi cặp đôi.
- Thống nhất trong nhóm
- Báo cáo kết quả.
- GV nhận xét, chữa bài.

Bài giải

Chia mảnh đất thành hai hình chữ nhật ABCD và hình thang MNPC

Ta có:

Độ dài cạnh NC cũng chính là chiều cao của hình thang MNPC là:

$$75 - 40 = 35\text{m}$$

Độ dài cạnh CP là:

$$95 - 35 = 60\text{m}$$

Diện tích mảnh ruộng hình thang MNPC là:

$$(45 + 60) \times 35 : 2 = 1837,5(\text{m}^2)$$

Diện tích mảnh ruộng hình chữ nhật ABCD là:

$$35 \times 75 = 2625(\text{m}^2)$$

Diện tích của mảnh ruộng đó là:

$$1837,5 + 2625 = 4462,5(\text{m}^2)$$

Đáp số: 4462,5(m²)

B. Hoạt động ứng dụng:

Hoạt động cùng cộng đồng.

- Về nhà em cùng với người thân thực hiện các yêu cầu ở hoạt động ứng dụng.

Ngày soạn: 17/1/20...

Ngày dạy: Thứ năm, 21/1/20...

BÀI 67: EM ÔN LẠI NHỮNG GÌ ĐÃ HỌC.

I. Mục tiêu:

- Em ôn tập về tính diện tích các hình đã học; tính chu vi hình tròn và vận dụng để giải các bài toán có liên quan.

II. Đồ dùng:

- Sách hướng dẫn học Toán.

III. Các hoạt động dạy học chủ yếu:

***Khởi động:** Chơi trò chơi “Đố bạn”

* Học sinh ghi đầu bài và đọc mục tiêu.

A. Hoạt động thực hành: (HĐ cá nhân)

- HS làm bài cá nhân.
- Hs báo cáo kết quả.

2. Giải bài toán sau:

- HS làm bài cá nhân.

- GV nhận xét, chữa bài.

Bài giải

Độ dài đáy của hình tam giác đó là:

$$\frac{5}{6} \times 2 : \frac{3}{4} = \frac{20}{9} \text{ (m)}$$

$$\text{Đáp số: } \frac{20}{9} \text{ m}$$

3. GV nhận xét, chữa bài.

Bài giải

Diện tích hình thoi là:

$$2 \times 1,5 : 2 = 1,5 \text{ (m}^2\text{)}$$

Diện tích của khăn trải bàn là:

$$2 \times 1,5 = 3 \text{ (m}^2\text{)}$$

Đáp số: S hình thoi: $1,5 \text{ (m}^2\text{)}$

S khăn: $3 \text{ (m}^2\text{)}$

4. GV nhận xét, chữa bài.

Bài giải

Chu vi mảnh bìa bị khoét là:

$$8 \times 3,14 : 2 = 12,56 \text{ (m)}$$

Chu vi mảnh bìa hình chữ nhật là:

$$(8 + 9) \times 2 = 34 \text{ (m)}$$

Chu vi mảnh bìa sau khi khoét là:

$$34 - 12,56 = 21,44 \text{ (m)}$$

Đáp số: $21,44 \text{ (m)}$

B. Hoạt động ứng dụng:

Hoạt động cùng cộng đồng.

Về nhà em cùng với người thân thực hiện các bài tập ở hoạt động ứng dụng.

Ngày soạn: 17/1/20...

Ngày dạy: Thứ sáu, 22/1/20... (t1)

BÀI 68: HÌNH HỘP CHỮ NHẬT, HÌNH LẬP PHƯƠNG.**I. Mục tiêu:**

-Em nhận dạng được hình hộp chữ nhật, hình lập phương và nhận biết một số đặc điểm của hình hộp chữ nhật, hình lập phương.

II. Đồ dùng:

- Sách hướng dẫn học Toán,
- Một số đồ vật hình hộp.

III. Các hoạt động dạy học:***Khởi động: HĐ 1**

* Học sinh ghi đầu bài và đọc mục tiêu.

A.Hoạt động cơ bản:**2. Thực hiện các hoạt động: (HĐ nhóm)**

- a, Em đọc kĩ nội dung rồi chia sẻ với bạn,
- b, Kể tên một số vật có dạng hình hộp chữ nhật, hình lập phương trong cuộc sống.

3. Thực hiện các hoạt động (trang 41)

- Nhóm trưởng điều hành các bạn
- Báo cáo kết quả
- Giáo viên kiểm tra một nhóm sau đó nhờ HS hỗ trợ đi kiểm tra các nhóm khác

Hình	Số mặt	Số cạnh	Số đỉnh
Hình hộp chữ nhật	6	12	8
Hình lập phương	6	12	8

+ Các mặt hình hộp chữ nhật là hình chữ nhật. Các mặt đối diện thì bằng nhau.

+ Các mặt hình lập phương đều là hình vuông. Các mặt đều bằng nhau.

4.Đọc kĩ nội dung rồi chia sẻ với bạn. (HĐ cặp đôi)

- Học sinh đọc cá nhân
- Trao đổi chia sẻ với bạn.
- Báo cáo kết quả.

5. Chơi trò chơi “ Đố bạn”(trang 43) (HĐ nhóm)

- Nhóm trưởng điều hành các bạn thực hiện
- Các nhóm tìm nhanh các hình theo yêu cầu
- Nhóm nào tìm được nhanh, đúng thì thắng cuộc.
- Giáo viên khen ngợi nhóm thắng cuộc, chốt.

+ Hình hộp chữ nhật là: a), h)

+ Hình lập phương là: b), e)

B. Hoạt động ứng dụng:

Hoạt động cùng cộng đồng.

- Về nhà em hãy cùng với người thân tìm xem ở nhà mình những đồ vật nào có dạng hình hộp chữ nhật là, hình lập phương.

TUẦN 22

Tiết 1: Chào cờ

TẬP TRUNG ĐẦU TUẦN

Tiết 2: Toán

Ngày soạn: 22 /1/20...

Ngày dạy: Thứ hai, 25/1/20... (t2)

BÀI 68: HÌNH HỘP CHỮ NHẬT, HÌNH LẬP PHƯƠNG.

I. Mục tiêu:

-Em nhận dạng được hình hộp chữ nhật, hình lập phương và nhận biết một số đặc điểm của hình hộp chữ nhật, hình lập phương.

II. Đồ dùng:

- Sách hướng dẫn học Toán,
- Một số đồ vật hình hộp.

III. Các hoạt động dạy học:

*Khởi động: Trò chơi “chuyên quả”

* Học sinh ghi đầu bài và đọc mục tiêu.

B. Hoạt động thực hành

Bài 1: Quan sát hình và trả lời câu hỏi. (HĐ cá nhân)

- Học sinh làm bài cá nhân.
 - Đối vở với bạn bên cạnh cùng nhau soát bài
 - Báo cáo kết quả
 - Giáo viên nhận xét, chữa bài:
- a) Các cạnh bằng nhau của hình hộp chữ nhật là: $AB = DC = MN = QP$
- b) Các mặt phẳng bằng nhau của hình hộp chữ nhật là:
 $ABCD = MNPQ$; $DCPQ = ABNM$; $ADQM = CBNP$
- c) Diện tích của mặt đáy $MNPQ$ là: $5 \times 4 = 20 \text{ cm}^2$
Diện tích của mặt bên $ABNM$ là: $3 \times 5 = 15 \text{ cm}^2$
Diện tích của mặt bên $CBNP$ là: $3 \times 4 = 12 \text{ cm}^2$

Bài 2: Trong các hình đã cho hình nào là hình hộp chữ nhật, hình nào là hình lập phương. (HĐ cá nhân)

- Học sinh làm bài.
- Báo cáo kết quả
- Giáo viên nhận xét, kết luận:
Hình hộp chữ nhật là: A

Hình lập phương là hình: B.

C. Hoạt động ứng dụng

- Về nhà em cùng với người thân thực hiện các yêu cầu ở hoạt động ứng dụng.

Ngày soạn: 23/1/20...

Ngày dạy: Thứ ba, 26/1/2015 (T1)

Ngày dạy: Thứ tư, 27/1/20... (T2)

BÀI 69: DIỆN TÍCH XUNG QUANH VÀ DIỆN TÍCH TOÀN PHẦN CỦA HÌNH HỘP CHỮ NHẬT

I. Mục tiêu:

Em biết tính diện tích xung quanh và diện tích toàn phần của hình hộp chữ nhật.

II. Đồ dùng:

1.GV: Sách hướng dẫn.

2.HS: Sách hướng dẫn.

III. Các hoạt động dạy học chủ yếu:

Tiết 1:

***Khởi động:** Chơi trò chơi “truyền quà”

- Gv giới thiệu bài

* Học sinh ghi đầu bài và đọc mục tiêu.

A.Hoạt động cơ bản:

1. Thực hiện lần lượt các hoạt động sau(HĐ nhóm)

- HS thảo luận và trả lời các câu hỏi:

- Báo cáo kết quả.

- GV nhận xét, chốt:

+ 4 mặt bên của HCN: ABNM; CBNP; DCPQ; DAMQ

+ Các mặt bên bằng nhau: ABNM = DCPQ ; CBNP = DAMQ

- HS thảo luận cách tính tổng diện tích bốn mặt bên của hình hộp chữ nhật bằng cách thuận tiện nhất.

2. Thực hiện lần lượt các hoạt động sau(nhóm)

- HS đọc bài toán

- Trao đổi với bạn và báo cáo kết quả

Diện tích xung quanh của hình hộp chữ nhật bằng diện tích của hình chữ nhật có:

Chiều dài là : $8 + 5 + 8 + 5 = 26$ (cm)

(Tức là bằng chu vi mặt đáy hình hộp)

Chiều rộng là 4 cm (tức là bằng chiều cao hình hộp).

Do đó, diện tích xung quanh của hình hộp chữ nhật đó là :

$$26 \times 4 = 104 \text{ (cm}^2\text{)}$$

- GV: Muốn tính diện tích xung quanh của hình hộp chữ nhật ta lấy chu vi mặt đáy nhân với chiều cao(cùng một đơn vị đo)

3. Thực hiện lần lượt các hoạt động sau(HĐ cặp đôi)

- HS đọc và trao đổi với bạn
- Diện tích toàn phần của hình hộp chữ nhật là tổng diện tích xung quanh và diện tích hai đáy của hình hộp chữ nhật đó
- HS giải ví dụ 2b vào vở
- HS báo cáo kết quả

Bài giải

Chu vi mặt đáy là:

$$(6 + 4) \times 2 = 20 \text{ (cm)}$$

Diện tích xung quanh của hình hộp chữ nhật là:

$$20 \times 3 = 60 \text{ (cm}^2\text{)}$$

Diện tích một mặt đáy là:

$$6 \times 4 = 24 \text{ (dm}^2\text{)}$$

Diện tích toàn phần của hình hộp chữ nhật đó là:

$$60 + 24 \times 2 = 108 \text{ (dm}^2\text{)}$$

Đáp số: Diện tích xung quanh: 60 dm²Diện tích toàn phần: 108 dm²

Tiết 2:**B.Hoạt động thực hành:****1.Tính diện tích xung quanh và diện tích toàn phần của hình hộp chữ nhật (HĐ cá nhân)**

- HS làm bài cá nhân.
- HS nêu Kq trước lớp.
- GV nhận xét, chữa bài.

a) Đồi 1,5m = 15dm

Diện tích xung quanh của hình hộp chữ nhật là:

$$(25+15) \times 2 \times 18 = 1440 \text{ (dm}^2\text{)}$$

Diện tích toàn phần của hình hộp chữ nhật đó là:

$$1440 + 25 \times 15 \times 2 = 2190 \text{ (dm}^2\text{)}$$

Đáp số: 1440 dm² ; 2190 dm²

b)

Diện tích xung quanh của hình hộp chữ nhật là:

$$\left(\frac{4}{5} + \frac{1}{3}\right) \times 2 \times \frac{1}{4} = \frac{34}{60} = \frac{17}{30} \text{ (m}^2\text{)}$$

Diện tích toàn phần của hình hộp chữ nhật đó là:

$$\frac{17}{30} + \left(\frac{4}{5} \times \frac{1}{3}\right) \times 2 = \frac{11}{10} \text{ (m}^2\text{)}$$

Đáp số: $\frac{17}{30}$ m²; $\frac{11}{10}$ m²